

Bản án số: 26/2017/HS-ST

Ngày: 29 – 11 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Xuân Hoàng.
2. Bà Lý Thị Sầm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Sơn- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Dạ Hằng, ông Nguyễn Việt Hùng– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2017/HSST ngày 04/10/2017, đối với:

Bị cáo: Lê Văn S, sinh năm 1985; Nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở khi bị bắt: phòng trọ số 06 nhà trọ T, khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: mua bán; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Lê Văn X, sinh năm 1957 (s); con bà Đinh Thị T, sinh năm 1957 (s); Anh chị em ruột: có 05 người (lớn nhất sinh năm 1957, nhỏ nhất bị cáo); Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 04/01/2017 và chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt)

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Bạch Sỹ Chất**, Luật sư văn phòng luật sư Bạch Sỹ Chất, đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đinh Thị T, sinh năm 1957. Cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

-**Người làm chứng:**

1. Ông Quách Thành T1, sinh năm 1977; Cư trú khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Phan Văn B, sinh năm 1982; Cư trú: khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà Hà Hồng N, sinh năm 1997; Cư trú, khóm N, phường B, thành phố S (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lê Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 04/01/2017, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Sóc Trăng phát hiện bắt quả tang Lê Văn S, sinh năm 1985, đăng ký thường trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang đang tàng trữ trái phép chất ma túy tại phòng số 06, nhà trọ T khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Tang vật thu giữ gồm: 23 bịch nylon được hàn kín bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng, nghi vẫn là ma túy đá đã được niêm phong (ký hiệu gói 1); 24 bịch nylon trong được hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất bột màu xanh, nghi vẫn là ma túy đá đã được niêm phong (ký hiệu gói 2); 01 khẩu súng ngắn màu trắng, 06 vỏ đạn, 01 cục kim loại hình trụ màu vàng, tất cả đã được niêm phong (ký hiệu gói 3); 01 xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE, biển kiểm soát số 65vx-xxxx, 01 xe mô tô nhãn hiệu EXCITER, biển kiểm soát số 95Ex-xxxx và các tang vật khác có liên quan.

Tại bản kết luận giám định số 337/C54B ngày 06/01/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Gói 1: Tinh thể đựng trong 23 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định có tổng trọng lượng 188,4554 gam, đều có Methamphetamine

Gói 2: Chất bột màu xanh nhạt đựng trong 24 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định có tổng trọng lượng 4,1682 gam, đều có Ketamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, ND 82/2013/ND-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 35, ND 82/2013/ND-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ;

Tại bản kết luận giám định số 338/C54B ngày 14/01/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Khẩu súng ngắn ổ quay màu trắng, số 09Q085xx là súng hơi hiệu WinGun C700-FF2 và không phải là súng quân dụng. Sử dụng để bắn với loại đạn mũ dù cỡ 4,5mm. Khẩu súng nêu trên nằm trong danh mục súng săn. Sử dụng khẩu súng trên để bắn với loại đạn mũ dù cỡ 4,5mm; đạn bắn vào cơ thể người có thể gây chết người hoặc bị thương.

03 viên đạn chưa bắn, hình trụ màu vàng đồng, ký hiệu 38 86 (hai viên), 38 86 là đạn quân dụng cỡ 7,62mm x 25mm và không sử dụng được cho khẩu súng gửi giám định. Loại đạn này thường được dùng để bắn cho một số loại súng cỡ nòng 7,62mm như: K54, K43, K51....sử dụng loại súng thích hợp bắn với loại đạn tiêu chuẩn cỡ 7,62mm x 25mm; đạn nổ vào cơ thể người có thể gây chết hoặc bị thương.

Qua quá trình điều tra ban đầu bị cáo Lê Văn S thừa nhận bắt đầu sử dụng trái phép chất ma túy từ khoảng năm 2013 cho đến ngày bị bắt (04/01/2017), bản

thân có hoạt động mua bán trái phép chất ma túy cách ngày bị bắt khoảng 04 tháng, bị cáo xuống Sóc Trăng ở được khoảng 05 – 06 tháng và có quen người bạn gái tên Hà Hồng N trong thời gian ở tại thành phố S, bị cáo đã thuê và ở nhiều nhà trọ, nhà nghỉ. Vào ngày 22/12/2016 bị cáo S có cùng bạn gái là Hà Hồng N đến gặp Quách Thành T1 là quản lý nhà trọ T khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S để thuê phòng trọ số 06 (nơi bị bắt quả tang), N là người trực tiếp đứng ra thuê và đưa giấy chứng minh nhân dân của mình để anh T1 đến Công an phường H để đăng ký tạm trú vì S nói là làm mất giấy chứng minh nhân dân, sẽ bổ sung sau một tuần, đồng thời N đã trả tiền thuê cho anh T1 là 1.000.000 đồng. Trong thời gian hoạt động mua bán trái phép chất ma túy tại Sóc Trăng thì S đã khai bán cho nhiều người như: Y ở đường Đ, thành phố S; X ở thị xã V; H ở huyện MT; V và L ở tỉnh Bạc Liêu. Số ma túy mà Cơ quan Công an thu giữ khi bắt quả tang là do bị cáo S mua của thanh niên tên G tại cầu chữ Y quận T, thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 69.000.000 đồng, mục đích để bán cho người khác.

Đến ngày 09/01/2017 thì bị cáo S chỉ thừa nhận mua số ma túy này về cất giữ để sử dụng và có ý định bán nhưng chưa bán được cho ai. Sau đó, từ ngày 26/4/2017 đến nay, bị cáo hoàn toàn không thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh những người bị cáo S khai đã bán ma túy, kết quả trong danh sách quản lý của địa phương không có tên của những người trên nên không đủ cơ sở xác định bị cáo S có hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tuy nhiên Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập đầy đủ chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lê Văn S, cụ thể:

- Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 23 giờ 10 phút ngày 04/01/2017 tại phòng trọ số 06 nhà trọ T khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng có sự chứng kiến của Phan Văn B (ngụ khóm N, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng). Bị cáo S đã thừa nhận: “Cơ quan điều tra thu giữ 23 bịch nylon trong được hàn kín bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng và 24 bịch nylon được hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất bột màu xanh tên thường gọi là “đá” và “Key” là của bị cáo mua ở thành phố Hồ Chí Minh đem về bán lại cho người khác kiếm lời. Lời khai của người chứng kiến: Phan Văn B và Quách Thành T1 đều khẳng định: Nghe S trình bày số ma túy trên là của S, do S mua về sử dụng và bán lại cho người khác. Qua giám định, tại kết luận giám định số 337/C54B ngày 06/01/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã xác định số vật chứng Cơ quan Điều tra thu giữ trên là chất ma túy.

Lời khai của Quách Thành T1 và Hà Hồng N đều xác định N có thuê phòng trọ số 06 nhà trọ T khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cho S ở từ ngày 22/12/2016 đến khi bị bắt, đồng thời N còn thấy S sử dụng ma túy 02 lần trong phòng trọ này.

Cáo trạng: Số 22/QĐ-KSĐT ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng truy tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm e Khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Cáo trạng. Đồng thời đề

ngị Hội đồng xét xử xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: bị cáo thành khẩn khai báo lúc đầu giúp cho cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án, gia đình bị cáo có chú ruột là liệt sỹ và có anh ruột có nhiều thành tích. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (có mức hình phạt từ 10 năm đến 15 năm) có lợi cho bị cáo theo Nghị quyết 41 của Quốc Hội.

*Tại tòa người bào chữa cho bị cáo trình bày: Do bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nên về tội danh không tham gia tranh luận. Đề nghị làm rõ các vấn đề sau:

1. Xem xét lại 24 bìch nylon trong có chứa chất bột thu giữ tại phòng trọ số 6, nhà trọ Tài Tình thì bên trong là chất bột màu trắng hay chất bột màu xanh vì tại biên bản khám nghiệm hiện trường đoạn đầu ghi 24 bìch nylon bên trong là chất bột màu trắng nhưng đoạn cuối lại ghi bên trong là chất bột màu xanh. Đồng thời, tại biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục 01- 04) ghi tang vật thu được gồm 24 bìch nylon hàn kín bên trong có chứa chất bột màu xanh. Như vậy, hai biên bản này lại có nội dung khác nhau, 24 bìch nylon nêu trên có chứa chất bột màu gì?

2. Vị trí bắt Lê Văn S là ở trong phòng hay bắt ngoài phòng trọ vì bị cáo khai là bị cáo bị bắt ở ngoài phòng trọ. Nếu bắt trong phòng trọ thì công an có báo trước cho chủ nhà trọ không? Nếu bắt ngoài phòng trọ thì nhà trọ có camera vì sao công an không trích xuất trong khi bị cáo không thừa nhận số ma túy thu được trong phòng trọ số 6 là của bị cáo, bị cáo chưa được chủ nhà trọ cho ở trong phòng trọ.

3. Nhân chứng Hà Hồng N khai ban ngày bị cáo đến phòng trọ tắm giặt, ban đêm bị cáo không ở nhà trọ này do bị cáo chưa có giấy chứng minh nhân dân, bị cáo chỉ gửi đồ dùng cá nhân tại đó. Phòng trọ này do bà N thuê dùm cho bị cáo, khi thuê chủ nhà trọ chỉ giao chìa khóa cho bà N, bà N giao chìa khóa lại cho bị cáo nhưng không dẫn vào xem phòng trọ. Như vậy, cơ quan tố tụng chưa làm rõ có bao nhiêu chìa khóa của phòng trọ số 6, chìa khóa phòng trọ này ngoài bị cáo giữ chủ nhà trọ có giao cho ai khác hay không, những lúc không có bị cáo ở phòng trọ có ai đi vào phòng trọ số 6 nêu trên hay không trong khi bị cáo không thừa nhận số ma túy thu tại phòng trọ là của bị cáo. Cơ sở pháp lý nào khẳng định số ma túy thu được tại phòng trọ số 6 là của bị cáo?

4. Bị cáo khai trước khi bị bắt vài ngày bị cáo có sử dụng ma túy, như vậy những lời khai từ ngày 04/01/2017 trở về sau bị cáo có còn trong trạng thái phê thuốc, những lời khai trong quá trình này bị cáo không đủ minh mẫn để làm việc với cơ quan công an.

5. Chưa làm rõ ông T1 là chủ nhà trọ T có thấy trực tiếp công an bắt bị cáo ở đâu.

Từ các lý do trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng để điều tra bổ sung hoặc cần thiết mời 02 người làm chứng T1 và B đối chất tại tòa. Vì vậy, luật sư không tranh luận về các tình tiết giảm nhẹ cũng như mức hình phạt. Đối với các biên bản hỏi cung, biên bản đối chất có luật sư tham gia thì luật sư khẳng định là bị cáo tự khai, không có ai đánh đập hay ép bị cáo khai.

*Tại tòa bị cáo kêu oan và cho rằng trong quá trình điều tra bị cáo bị Điều tra viên và công an ép cung, đánh đập bị cáo nên bị cáo sợ thừa nhận tội. Chỉ có Điều tra viên Đào Tiến K không đánh đập gì bị cáo.

* Tại tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về biên bản khám nghiệm hiện trường và biên bản bắt người phạm tội quả tang có mâu thuẫn thì tại phiên tòa cũng đã được làm rõ, kỹ thuật hình sự tại tòa xác định khi ghi biên bản khám nghiệm hiện trường có ghi 24 bịch nilon có chứa chất bột màu trắng là sai do sai sót trong phần ghi chép, nhưng phần sau ghi màu xanh là đúng. Lời trình bày này của kỹ thuật hình sự là phù hợp với gói niêm phong có chữ ký của bị cáo và biên bản bắt người phạm tội quả tang. Biên bản hiện trường có sai sót nhưng không lớn cần rút kinh nghiệm chung.

Đối với việc bắt bị cáo theo biên bản bắt người phạm tội quả tang là bắt trong phòng trọ số 6, Điều tra viên tại tòa xác định là bị cáo dẫn xe vào phòng và quay ngược trở ra đóng cửa thì công an ập vào bắt. Do vậy có căn cứ xác định bắt bị cáo trong phòng trọ số 6, do vậy việc luật sư đề nghị trích xuất camera là không cần thiết.

Về vấn đề có bao nhiêu chìa khóa thì ngoài bị cáo thì chủ nhà trọ có giữ 01 chìa khóa phòng dự phòng. Việc luật sư đặt ra chủ nhà trọ có giao cho ai khác là không có căn cứ.

Đối với việc bị cáo cho rằng bị ép cung, đánh đập nhưng tại bản ảnh hiện trường thể hiện tại bút lục 37, các ảnh 39, 40, 41, 42 thể hiện bị cáo chỉ nơi cất ma túy.

Đối với việc bị cáo kêu oan:

Biên bản hỏi cung bị cáo ngày 24/01/2017 (bút lục 215, 216) được lập sau 20 ngày kể từ ngày bị cáo bị bắt quả tang, tại biên bản này bị cáo thừa nhận tội và biên bản có luật sư tham gia, cuối biên bản bị cáo tự ghi là do bị cáo tự khai không ai ép buộc.

Bị cáo cho rằng bị ép cung, đánh đập nhưng trong suốt quá trình điều tra bị cáo không khiếu nại và cũng không có nói cho luật sư về sự việc này.

Cơ quan điều tra có cho bị cáo đối chất với người làm chứng T1 nhưng bị cáo cho rằng bị cáo bị một không thể làm việc và bị cáo có lời lẽ hăm dọa người nào bắt và công bị cáo, biên bản này có luật sư ký tên.

Từ các cơ sở trên Viện kiểm sát nhận thấy hồ sơ đã thu thập đầy đủ, đề nghị Hội đồng xét xử không trả hồ sơ để điều tra bổ sung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo quy định tại Nghị quyết số 41 áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo thì khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có mức khung hình phạt từ 10 năm đến 20 năm trong khi khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 mức hình phạt từ 10 năm đến 15 năm nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo S.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo lúc ban đầu, bị cáo có chú ruột là liệt sĩ theo quy định tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 10 năm đến 12 năm tù.

Về vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 02 Gói niêm phong (gói 01: tinh thể màu trắng, là Methamphetamin. Có trọng lượng 187,4872 gam; Gói 02: chất bột màu xanh, là Ketamine, có trọng lượng 3,8738 gam) vụ số 337/01 và 337/02. GĐMT-C54B ngày 06/01/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an hoàn lại sau khi giám định, có chữ ký ghi họ và tên Giám định viên Hà Thị P, người chứng kiến Trần Thị T.

- 05 (năm) cây kéo kim loại màu trắng đã qua sử dụng.

- 04 (bốn) ống nhựa nhỏ cắt ngắn, có 01 (một) đầu cắt xéo.

- 01 (một) cây cân tiểu ly.

- 86 (tám mươi sáu) ống thủy tinh, 01 (một) đầu hình tròn.

- 28 (hai mươi tám) quẹt ga đã qua sử dụng.

- 03 (ba) cái bình trong đó (02 bằng nhựa và 01 bằng thủy tinh) phía trên nắp bình có gắn ống thủy tinh.

- 15 (mười lăm) bịch nylon trong.

- 01 (một) cây roi điện màu đen trên có ghi chữ 5000k VOLT 928 TYPE (không kiểm tra tình trạng bên trong), thu được trong tủ quần áo của Lê Văn S.

- 01 (một) khẩu súng ngắn màu trắng, ốp tay bằng nhựa màu đen bên trong hộp tiếp đạn có 06 vỏ đạn; 03 viên đạn; 03 bình kim loại màu trắng nhỏ.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn S các tài sản sau:

- 04 cái điện thoại di động (không kiểm tra tình trạng bên trong)

- 01 (một) giấy CMND số 3517200xxx tên Lê Văn S do Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/11/2016.

- 01 (một) xe mô tô màu đỏ - đen – trắng nhãn hiệu AIRBLADE biển kiểm soát 65Vx-xxxx

- 01 (một) xe mô tô màu xanh nhãn hiệu EXCITER biển kiểm soát 95Ex-xxx.xx.

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô – xe máy tên chủ sở hữu Trần Thị H do Công an Quận C, thành phố Cần Thơ cấp biển kiểm soát 65Vx-xxxx

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô – xe máy tên chủ sở hữu Đặng Quốc C do Công an huyện P, tỉnh Hậu Giang cấp biển kiểm soát 95Ex-xxx.xx.

- 79.600.000 đồng (bảy mươi chín triệu sau trăm ngàn đồng) Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam

Trả lại cho bà Đinh Thị T: 01 (một) sổ hộ khẩu số 01024xxxx do Đinh Thị T, sinh năm 1957 làm chủ hộ.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa bị cáo trình bày, quá trình điều tra Điều tra viên ép và đánh bị cáo nên bị cáo khai báo tự khai đại nhưng bị cáo cũng không có khiếu nại gì về hành vi của Điều tra viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa bị cáo cho rằng sổ ma túy bắt quả tang không phải của bị cáo và bản thân bị cáo không sử dụng hay hoạt động gì liên quan đến ma túy.

Xét thấy,

[2.1] Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 04/01/2017 (bút lục 01-04) thể hiện:

Khoảng 23 giờ ngày 04/01/2017 Phòng tội phạm điều tra về ma túy Công an tỉnh Sóc Trăng kết hợp với Công an thành phố S bắt quả tang Lê Văn S đang cất giữ tổng cộng 23 bìch nilon bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng hàn kín (gói 1) và 24 bìch nilon trong chứa chất bột màu xanh hàn kín hai đầu (gói 2) tại phòng trọ số 06 nhà trọ T Khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng và 01 số đồ vật khác.

Bị cáo khai (bút lục 02): *bị cáo có sử dụng ma túy đá tại phòng trọ bị cáo mướn ở. Phòng trọ số 06 nhà trọ T khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S – nơi bị cáo bị Công an bắt quả tang bị cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là do bạn gái của bị cáo đứng ra thuê dùm bị cáo được khoảng 10 ngày (10 ngày nay tôi ở tại phòng trọ này). Số chất rắn tinh thể màu trắng trong 23 bìch nilon và chất bột màu xanh trong 24 bìch nilon là ma túy của bị cáo tên thường gọi là “đá” và “Key”, sổ ma túy này bị can mua cách ngày bị bắt khoảng 05 ngày với số tiền 69.000.000đ được khoảng 1,5 lạng. Bị cáo mua ma túy này tại thành phố Hồ Chí Minh.*

[2.2] Lời khai của bị cáo tại biên bản hỏi cung ngày 24/01/2017 có luật sư Bạch Sỹ Chất tham gia “Việc cơ quan điều tra bắt quả tang đối với tôi ngày

04/01/2017 là đúng do bị can có cất giấu ma túy trong phòng trọ với mục đích để sử dụng” (bút lục 215); “việc cơ quan điều tra bắt quả tang và khởi tố bị can về hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng sự thật do bị can có cất giữ ma túy với mục đích để sử dụng dần”, cuối biên bản bị cáo tự ghi đoạn sau: “Bị can cam kết lời trình bày của bị can là đúng sự thật, do bị can tự khai không ai đánh đập hay ép buộc bị can khai” (bút lục 216).

[2.3] Tại bản kết luận giám định số 337/C54B ngày 06/01/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Gói 1: Tinh thể đựng trong 23 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định có tổng trọng lượng 188,4554 gam, đều có Methamphetamine

Gói 2: Chất bột màu xanh nhạt đựng trong 24 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định có tổng trọng lượng 4,1682 gam, đều có Ketamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, NĐ 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 35, NĐ 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ;

[2.4] Lời khai của Hà Hồng N (bạn gái của bị cáo và là người thuê phòng trọ cho bị cáo ở) (bút lục 251, 255) “..... Trong quá trình ở trọ khoảng tháng 11 tôi có quen với Lê Văn S, trong quá trình sống với S thì tôi ở nhà phòng trọ số 09, nhà trọ số 43, còn S ở khách sạn ở phường B, thành phố S đến ngày 22/12/2016 tôi đứng ra thuê phòng trọ số 06 nhà trọ T. Nhưng tôi không dọn đồ về ở cùng S do khi đăng ký chỉ có tôi đăng ký được còn S thì không có giấy chứng minh nhân dân nên đợi S đăng ký tạm trú được thì về ở chung, trong thời gian trên thì tôi giao chìa khóa cho S. S sử dụng để nghỉ ngơi và tắm, tôi thỉnh thoảng có ghé chơi tại nhà trọ T bình thường tôi ở nhà trọ số 43 trong thời gian ghé chơi tôi thấy S có sử dụng ma túy 02 lần với hình thức là hút ma túy đá, vào ngày 04/01/2017 S có ghé phòng trọ số 9 nhà trọ 43 chỗ tôi thuê ở, S đưa tôi bọc bánh và nhờ tôi đưa cho bạn S sau đó bạn S đến lấy bọc bánh, bên trong có gì tôi không biết, trước khi đưa S có dặn bạn S đưa tiền thì lấy dùm nhưng bạn S không có đưa vì S và bạn trao đổi thỏa thuận ra sao tôi không biết....”

[2.5] Lời khai của người làm chứng ông Phan Văn B (bút lục 01, 258, 259-260): “.....Khoảng 23 giờ ngày 04/01/2017 tôi được cơ quan Công an mời tôi chứng kiến việc cơ quan công an bắt quả tang đối tượng tàng trữ trái phép chất ma túy tại phòng trọ số 06 nhà trọ T khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, tôi thấy Cơ quan điều tra bắt người thanh niên tên Lê Văn S và thu giữ trong phòng trọ số 06 là 23 bọc nylon chứa tinh thể rắn màu trắng và 24 bọc nylon chứa chất bột màu xanh nhạt được hàn kín và một số đồ vật khác, tôi nghe S khai với Cơ quan điều tra đây là ma túy đá mua về để bán cho người khác. Tôi chứng kiến cơ quan điều tra lập biên bản và niêm phong số chất màu trắng và màu xanh trên”.

[2.6] Lời khai của người làm chứng ông Quách Thành T1 (bút lục 01, 266-272) (quản lý nhà trọ T): “Khoảng 23 giờ ngày 04/01/2017 tôi được cơ quan Công an mời tôi chứng kiến việc cơ quan công an bắt quả tang đối tượng tàng trữ trái phép chất ma túy tại phòng trọ số 06 nhà trọ T (do mẹ vợ đứng tên đại diện hộ gia

đình) khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, tôi thấy Cơ quan điều tra bắt người thanh niên tên Lê Văn S và thu giữ trong phòng trọ số 06 là 23 bịch nylon chứa tinh thể rắn màu trắng và 24 bịch nylon chứa chất bột màu xanh nhạt được hàn kín và 03 cục kim loại hình trụ màu vàng, một khẩu súng bằng kim loại màu trắng dài 18cm, tay cầm màu đen (có ốp tay nhựa) và 03 bình kim loại màu trắng. Tôi nghe S khai với cơ quan điều tra số chất màu trắng là ma túy dạng đá S mua về để bán cho người khác. Tôi chứng kiến Cơ quan điều tra Công an lập biên bản và niêm phong số chất màu trắng, xanh niêm phong khẩu súng và các cục kim loại hình trụ”.

[2.7] Lời khai bị cáo tại các bút lục 199- 200, 207- 208, 213- 214, 215- 216 do Điều tra viên Đào Tiến K ghi, bị cáo khai: Bản thân bị cáo sử dụng ma túy khoảng 05 năm, loại ma túy bị cáo sử dụng là ma túy tổng hợp dạng đá và Key, lần sử dụng ma túy gần đây nhất của bị cáo là ngày 03/01/2017 tại phòng trọ số 6 nhà trọ T, khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S. Việc cơ quan Điều tra bắt quả tang và tạm giữ đối với bị cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng do bản thân bị cáo có đi thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy về sử dụng (bút lục 211, 213, 216) (có khi bị cáo khai là mua ma túy về sử dụng và bán lại cho người khác tại các bút lục 207, 214). Việc cơ quan điều tra bắt quả tang đối với bị cáo ngày 04/01/2017 là đúng do bị cáo có cất giấu ma túy trong phòng trọ với mục đích để sử dụng, bị cáo không có khiếu nại gì về việc bắt quả tang và tạm giữ đối với bị cáo vì hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật (bút lục 215, 213, 207). Khi bắt quả tang đối với bị cáo vào ngày 04/01/2017 thì cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo gồm 23 bịch nylon trong chứa tinh thể rắn màu trắng và 24 bịch nylon chứa chất bột màu xanh nhạt được niêm phong, tiền 79.600.000đ, 4 điện thoại di động trong đó có 02 cái có sim và 02 cái không có sim, 01 khẩu súng rulo có 06 tiếp đạn, 03 viên đạn và 03 bình ga dùng cho súng rulo, 01 cây roi điện và một số đồ vật tài sản khác. Tất cả đồ vật tài sản thu được tại phòng trọ số 6 nhà trọ T, khu dân cư Đ, khóm H, phường H, thành phố S là của bị cáo và bị cáo chứng kiến cơ quan điều tra lập biên bản, thu giữ, niêm phong. Số ma túy gồm 23 bịch nylon trong chứa tinh thể rắn màu trắng và 24 bịch nylon chứa chất bột màu xanh do bị cáo mua của một người đàn ông không biết tên với giá 27.000.000đ ở thành phố Hồ Chí Minh, tiền 79.600.000đ là tiền bị cáo mua bán điện thoại và xe trên mạng để dành, 2 xe mô tô bị cáo mua của người khác chưa sang tên, cây súng và roi điện bị cáo mượn được định giao nộp cho cơ quan Công an phường nhưng chưa kịp nộp thì bị cơ quan công an thu giữ (bút lục 215, 216, 213, 212, 221).

[2.8] Tại phiên tòa bị cáo khai: Trong quá trình điều tra điều tra viên Đào Tiến K không có đánh đập hay ép bị cáo khai. Ngoài ra, bị cáo còn khai bị cáo lần đầu tiên đến nhà trọ thì bị bắt nhưng tại tòa bị cáo cũng thừa nhận bị cáo là người mang đồ dùng của bị cáo để ở phòng trọ số 06 nhà trọ T và quá trình điều tra bị cáo khai N thuê phòng trọ dùm bị cáo nhưng không trực tiếp ở mà thỉnh thoảng chỉ đến thăm gặp chơi cùng bị cáo. Việc bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy thì có 01-02 lần N thấy bị cáo sử dụng (bút lục 208). Lời trình bày này của bị cáo là phù hợp với lời khai của người làm chứng Hà Hồng N tại bút lục 251, 255.

[2.9] Tại biên bản đối chất giữa bị cáo và người làm chứng Quách Thành T1 (chủ nhà trọ T) (bút lục 296- 297) có luật sư Bạch Sỹ Chất tham gia, ông T1 khai:

“ Khoảng 23 giờ ngày 04/01/2017 thì tôi được cơ quan công an mời đến chứng kiến việc bắt quả tang đối với Lê Văn S tại phòng số 6, nhà trọ T khu dân cư Đ, khóm H phường H, Thành phố S, tỉnh Sóc Trăng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ông T1 thấy cơ quan Công an thu giữ tại phòng trọ số 6, nhà trọ T 23 bìch tinh thể rắn màu trắng và 24 bìch nylon chứa chất bột màu xanh, các tài sản khác, cây súng và đạn. Ông chứng kiến việc thu giữ, niêm phong và ký tên vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong và nghe thông qua đọc lại các biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đối với Lê Văn S. Tuy nhiên sau khi nghe ông T1 trình bày bị cáo không trả lời lời trình bày của ông T1 đúng hay sai mà trình bày bị cáo mệt và không làm việc, không trả lời câu hỏi của cơ quan điều tra được, đồng thời bị cáo còn có lời lẽ và thái độ hăm dọa “khi được ra tù sẽ tìm và xử những người nào bắt và còng đối với Lê Văn S” (bút lục 298). Tại tòa, bị cáo xác định có nói câu nói trên nhưng mà chỉ nhìn cái ly trước mặt nói.

[3] Từ các căn cứ trên cho thấy mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của 2 người làm chứng là ông Phan Văn B, ông Quách Thành T1; Các lời khai của bị cáo tại các bút lục 199- 200, 207- 208, 213- 214, 215- 216 và tại biên bản hỏi cung ngày 24/01/2017 có luật sư Bạch Sỹ Chất tham gia; Kết luận giám định số 337 ngày 06/01/2007 (bút lục 39a); Lời khai của Hà Hồng N là bạn gái của bị cáo; Biên bản đối chất giữa ông Quách Thành T1 và bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ như Bản ảnh hiện trường, các biên bản niêm phong ... có căn cứ xác định: Bị cáo là người nghiện ma túy đã nhiều năm, ngày 04/01/2017 bị cáo bị cơ quan điều tra Công an tỉnh Sóc Trăng bắt quả tang tại phòng trọ số 06 nhà trọ T bị cáo có cất giấu 23 bìch nylon trong chứa tinh thể rắn màu trắng và 24 bìch nylon chứa chất bột màu xanh, theo kết luận số 337/C54B ngày 06/01/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Gói 1: Tinh thể đựng trong 23 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định có tổng trọng lượng 188,4554 gam, đều có Methamphetamine

Gói 2: Chất bột màu xanh nhạt đựng trong 24 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định có tổng trọng lượng 4,1682 gam, đều có Ketamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, ND 82/2013/ND-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 35, ND 82/2013/ND-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ;

Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e Khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số 22/QĐ-KSĐT ngày 02/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Lê Văn S về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận cáo trạng.

[4] Tuy nhiên, theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 khung hình phạt từ 10 năm đến 20 năm trong khi khung hình phạt tại điểm e khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 khung hình

phạt từ 10 năm đến 15 năm nên cần áp dụng điểm b Điều 2 Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội để áp dụng điểm e khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 đối với bị cáo S vì có lợi cho bị cáo. Do đó, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41 và khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 đối với bị cáo S như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Việc bị cáo khai tại biên bản phạm tội quả tang (bút lục 02): mục đích bị cáo mua ma túy về chia thành nhiều bịch nhỏ bán lại cho người khác kiếm lời. Đồng thời tại các biên bản ghi lời khai (bút lục 201- 202) bị cáo khai bán ma túy cho H nhà ở MT không biết địa chỉ cụ thể, H mua ma túy của bị cáo khoảng 10 lần qua điện thoại và bị cáo thường hẹn giao ma túy tại đường Phú Lợi, mỗi lần H mua 01 hộp 10, giá từ 2.000.000đ đến 8.000.000đ; Y nhà ở đường Đ, mua của bị cáo 01 gói tám = 600.000đ tại nhà trọ A đường Quốc Lộ 1A do bị cáo quen Y tại nhà trọ này; X nhà ở thị xã V, mua 07 lần mỗi lần 01 hộp 05 giá mỗi hộp 4.000.000đ qua điện thoại, bị cáo hẹn X ra quán cà phê đường Phú Lợi giao hàng; V nhà Bạc Liêu mua 6-7 lần; L ở Bạc Liêu mua 05 lần. Cơ quan điều tra đã xác minh những người có tên nêu trên tại các biên bản ngày 08/3/2017 (bút lục 308), 09/3/2017 (BL 310), 24/5/2017 (BL 312- 314) nhưng không có các đối tượng có tên trên cư trú tại các địa phương. Do vậy chưa đủ căn cứ để xử bị cáo S về tội mua bán trái phép chất ma túy.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn S là rất nghiêm trọng nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Nhất là hiện nay loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

[7] Bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra ban đầu bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có chú ruột là liệt sĩ đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[8] Đối với hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép súng đạn, roi điện của bị cáo Lê Văn S, xét thấy tại bản kết luận giám định số 338/C54B ngày 14/01/2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: “Khẩu súng ngắn ổ quay màu trắng, số 09Q085xx là súng hơi hiệu WinGun C700-FF2 và không phải là súng quân dụng. Sử dụng để bắn với đạn mũ dù cỡ 4,5mm. Khẩu súng nêu trên nằm trong danh mục súng săn. Sử dụng khẩu súng trên bắn với đạn mũ dù cỡ 4,5mm; đạn bắn vào cơ thể người có thể gây chết người hoặc bị thương.

03 viên đạn chưa bắn hình trụ màu vàng đồng ký hiệu 3886 (hai viên), 38 83 là đạn quân dụng cỡ 7,62mm x 25mm và không sử dụng được cho khẩu súng gửi giám định. Loại đạn này thường được sử dụng để bắn cho một số loại súng có cỡ nòng 7,62mm như: K54, K43, K51...sử dụng loại súng thích hợp bắn với loại đạn tiêu chuẩn cỡ 7,62mm x 25mm ; đạn nổ vào cơ thể người có thể gây chết hoặc bị thương”. không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Sóc Trăng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo điểm C Khoản 5 Điều 10 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ là có căn cứ.

[9] Đối với Hà Hồng N, xét thấy N chỉ đứng ra thuê phòng trọ cho bị cáo S ở, chỉ thỉnh thoảng có đến thăm S, không biết việc S tàng trữ trái phép chất ma túy nên không đặt ra xem xét, xử lý hình sự.

[10] Đối với Quách Thành T1, xét thấy Tính không biết việc S cất giữ số ma túy tại phòng trọ số 06 nhà trọ T nơi T1 quản lý và cho thuê. Cảnh sát điều tra công an tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với T1 số tiền 5.000.000 đồng nên không đặt ra xem xét xử lý hình sự.

[11] Đối với số tiền thu tại phòng trọ số 6, tại tòa bị cáo khai khi bị bắt trong túi bị cáo có 101.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh bị cáo có số tiền trên, trong khi tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và các lời khai của người làm chứng ông T1, ông B và các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra (bút lục 258, 259, 270, 272) xác định tiền thu tại hiện trường là 79.600.000đ, trình bày của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với vấn đề bị cáo khai bị ép cung, đánh đập nên sợ khai nhận tội, nhưng trong suốt quá trình điều tra, truy tố kể cả khi có Luật sư bào chữa cho bị cáo tham gia bị cáo không khiếu nại và bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và trong quá trình điều tra viên hỏi cung bị cáo có lời lẽ hăm dọa khi ra tù sẽ tìm và xử những người nào bắt và cùng bị cáo (bút lục 298), biên bản này có người bào chữa cho bị cáo ký tên, do vậy việc bị cáo cho rằng sợ là không có căn cứ.

[12] Đối với vấn đề luật sư đặt ra các lý do đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng để điều tra bổ sung:

[12.1] Đối với yêu cầu trích xuất camera và cơ sở để xác định số ma túy bắt quả tang là của bị cáo, thấy rằng:

Căn cứ vào biên bản bắt bị cáo phạm tội quả tang; lời khai của hai người làm chứng ông T1, ông B, Bản ảnh hiện trường bị cáo tự chỉ các vị trí bị cáo cất giữ ma túy, biên bản niêm phong các chất nghi ma túy (bút lục 148), lời khai của bị cáo, lời khai của Hà Hồng N có đủ căn cứ xác định số ma túy cơ quan điều tra thu giữ tại biên bản bắt bị cáo phạm tội quả tang là của bị cáo. Do vậy, đề nghị trích xuất camera là không cần thiết.

[12.2] Đối với biên bản khám nghiệm hiện trường: đoạn đầu có ghi sai 24 bịch nylon thu tại hiện trường là chất bột màu trắng nhưng đoạn sau ghi chất bột màu xanh. Tại tòa Kỹ thuật hình sự xác định là do ông ghi sai nhưng thực tế đúng là chất bột màu xanh. Căn cứ vào biên bản niêm phong chất nghi ma túy có bị cáo ký vào và các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra nêu tại mục [2.1] [2.7], lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định có căn cứ xác định 24 bịch nylon thu tại hiện trường chứa chất bột màu xanh nhạt. Đây là sai sót của cơ quan tố tụng cần rút kinh nghiệm và Hội đồng xét xử không sử dụng biên bản này làm căn cứ giải quyết vụ án.

[12.3] Đối với việc Luật sư đặt ra có bao nhiêu chìa khóa để xác định chìa khóa có giao cho ai khác không vì bị cáo không ở phòng trọ trên vào ban đêm: tại tòa bà N khai chìa khóa phòng trọ giao cho bị cáo giữ, tại tòa bị cáo khai bị cáo không có mâu thuẫn với bà N, tại bản ảnh hiện trường bút lục 37, các ảnh 39, 40, 41, 42 thể hiện bị cáo chỉ nơi bị cáo cất giấu ma túy điều này chứng minh số ma túy này của bị cáo, nên việc Luật sư đặt ra là không cần thiết.

[12.4] Đối với việc Luật sư yêu cầu triệu tập người làm chứng Quách Thành T1 có mặt tại tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 đến phiên tòa nhưng ông T1 vắng mặt. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra có cho ông T1 và bị cáo đối chất nhưng bị cáo không đối chất (bút lục 296- 297). Nên yêu cầu này không có căn cứ chấp nhận.

Từ các cơ sở trên người bào chữa yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung của người bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại tòa là có cơ sở được chấp nhận.

[13] Về xử lý vật chứng:

[13.1] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 02 Gói niêm phong (gói 01: tinh thể màu trắng, là Methamphetamin. Có trọng lượng 187,4872 gam; Gói 02: chất bột màu xanh, là Ketamine, có trọng lượng 3,8738 gam) vụ số 337/01 và 337/02. GĐMT-C54B ngày 06/01/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an hoàn lại sau khi giám định, có chữ ký ghi họ và tên Giám định viên Hà Thị P, người chứng kiến Trần Thị T.

- 05 (năm) cây kéo kim loại màu trắng đã qua sử dụng.

- 04 (bốn) ống nhựa nhỏ cắt ngắn, có 01 (một) đầu cắt xéo.

- 86 (tám mươi sáu) ống thủy tinh, 01 (một) đầu hình tròn.

- 28 (hai mươi tám) que gạt đã qua sử dụng.

- 03 (ba) cái bình trong đó (02 bằng nhựa và 01 bằng thủy tinh) phía trên nắp bình có gắn ống thủy tinh.

- 15 (mười lăm) bịch nylon trong.

[13.2] Trả lại cho bị cáo Lê Văn S các tài sản sau:

- 01 điện thoại di động màu đen hiệu Iphone và 01 thẻ sim số 0932xxxxxx (gói niêm phong số 4)

- 01 điện thoại di động màu xám hiệu Iphone và 01 thẻ sim số 01222xxxxxx (gói niêm phong số 5)

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen không có sim (không kiểm tra tình trạng bên trong)

- 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu vàng không có sim (không kiểm tra tình trạng bên trong)

- 01 (một) giấy CMND số 3517200xxx tên Lê Văn S do Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/11/2016.

- 01 (một) xe mô tô màu đỏ - đen – trắng nhãn hiệu AIRBLADE biển kiểm soát 65Vx-xxxx

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô – xe máy tên chủ sở hữu Trần Thị H do Công an Quận C, thành phố Cần Thơ cấp biển kiểm soát 65Vx-xxxx.

- 79.600.000 đồng (bảy mươi chín triệu sau trăm ngàn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam.

[13.3] Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 cây cân tiểu li.

[13.4] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả cho bà Đinh Thị T: 01 (một) sổ hộ khẩu số 010240xxx do Đinh Thị T, sinh năm 1957 làm chủ hộ.

[13.4] Giao cho Công an tỉnh Sóc Trăng xử lý theo quy định của pháp luật các tài sản sau:

- 01 (một) xe mô tô màu xanh nhãn hiệu EXCITER biển kiểm soát 95Ex-xxx.xx do chiếc xe đã bị cạo sửa số khung, số sườn và không rõ chủ.

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô – xe máy tên chủ sở hữu Đặng Quốc Chiến do Công an huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp biển kiểm soát 95Ex-xxx.xx.

- 01 (một) cây roi điện màu đen trên có ghi chữ 5000k VOLT 928 TYPE (không kiểm tra tình trạng bên trong)

- 01 (một) khẩu súng ngắn màu trắng, ốp tay bằng nhựa màu đen bên trong hộp tiếp đạn có 06 vỏ đạn; 03 viên đạn; 03 bình kim loại màu trắng nhỏ.

[14] Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn S**, phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; áp dụng điểm b Điều 2 Nghị quyết số 41/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, điểm e khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn S 10 (mười) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2017.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 02 Gói niêm phong (gói 01: tinh thể màu trắng, là Methamphetamin. Có trọng lượng 187,4872 gam; Gói 02: chất bột màu xanh, là Ketamine, có trọng lượng 3,8738 gam) vụ số 337/01 và 337/02. GĐMT-C54B ngày 06/01/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an hoàn lại sau khi giám định, có chữ ký ghi họ và tên Giám định viên Hà Thị P, người chứng kiến Trần Thị T.

- 05 (năm) cây kéo kim loại màu trắng đã qua sử dụng.

- 04 (bốn) ống nhựa nhỏ cắt ngắn, có 01 (một) đầu cắt xéo.
- 86 (tám mươi sáu) ống thủy tinh, 01 (một) đầu hình tròn.
- 28 (hai mươi tám) quẹt ga đã qua sử dụng.
- 03 (ba) cái bình trong đó (02 bằng nhựa và 01 bằng thủy tinh) phía trên nắp bình có gắn ống thủy tinh.
- 15 (mười lăm) bịch nylon trong.

3.2. Trả lại cho bị cáo Lê Văn S các tài sản sau:

- 01 điện thoại di động màu đen hiệu Iphone và 01 sim điện thoại số 0932xxxxxx (gói niên phong số 4)
- 01 điện thoại di động màu xám hiệu Iphone và 01 sim điện thoại số 01222xxxxxx (gói niên phong số 5)
- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen không có sim (không kiểm tra tình trạng bên trong)
- 01 (một) điện thoại di động hiệu IPHONE màu vàng không có sim (không kiểm tra tình trạng bên trong)
- 01 (một) giấy CMND số 3517200xxx tên Lê Văn S do Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 29/11/2016.
- 01 (một) xe mô tô màu đỏ - đen – trắng nhãn hiệu AIRBLADE biển kiểm soát 65Vx-xxxx
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô – xe máy tên chủ sở hữu Trần Thị Hồng Thắm do Công an Quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ cấp biển kiểm soát 65Vx-xxxx.
- 79.600.000 đồng (bảy mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam.

3.3. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 cây cân tiểu li.

3.4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, trả cho bà Đinh Thị T: 01 (một) sổ hộ khẩu số 010240xxx do Đinh Thị T, sinh năm 1957 làm chủ hộ.

3.5. Giao cho Công an tỉnh Sóc Trăng xử lý theo quy định của pháp luật các tài sản sau:

- 01 (một) xe mô tô màu xanh nhãn hiệu EXCITER biển kiểm soát 95Ex-xxx.xx chiếc xe đã bị cạo sửa số khung, số sườn và không rõ chủ.
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô – xe máy tên chủ sở hữu Đặng Quốc Chiến do Công an huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp biển kiểm soát 95Ex-xxx.xx.
- 01 (một) cây roi điện màu đen trên có ghi chữ 5000k VOLT 928 TYPE (không kiểm tra tình trạng bên trong)

- 01 (một) khẩu súng ngắn màu trắng, ốp tay bằng nhựa màu đen bên trong hộp tiếp đạn có 06 vỏ đạn; 03 viên đạn; 03 bình kim loại màu trắng nhỏ.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Báo cho bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAST;
- Cơ quan thi hành án hình sự CAST;
- Cơ quan cảnh sát điều tra CAST;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- PNVKT-THA-TANDTST;
- Bị cáo, người liên quan.
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Sóc Trăng
- Lưu THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tăng Thị Thúy Nga